

Phụ lục 1:

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC KHÓA 7 (2011 - 2015) ĐỢT 1 THÁNG 7 NĂM 2015
Ngành: Bảo hiểm**

(Kèm theo Quyết định số: 913/QĐ - ĐHLĐXH, ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	0101071140	Nguyễn Quang Anh	Nam	Đ7.BH1	15/05/1994	Hà Nội	6.53	Trung bình khá	
2	0101071141	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	Đ7.BH1	01/09/1993	Bắc Ninh	7.25	Khá	
3	0101071143	Cần Thị Hà Chi	Nữ	Đ7.BH1	07/10/1992	Hải Dương	7.36	Khá	
4	0101071146	Nông Hải Duyên	Nữ	Đ7.BH1	13/12/1993	Bắc Kạn	7.05	Khá	
5	0101071147	Lê Bá Khánh Dư	Nam	Đ7.BH1	21/11/1993	Thanh Hoá	6.52	Trung bình khá	
6	0101071149	Đào Thị Thuý Dương	Nữ	Đ7.BH1	24/12/1993	Hà Nội	6.22	Trung bình khá	
7	0101071148	Trần Thị Dương	Nữ	Đ7.BH1	01/11/1993	Nghệ An	7.23	Khá	
8	0101071150	Nguyễn Hương Giang	Nữ	Đ7.BH1	12/08/1993	Thái Bình	7.3	Khá	
9	0101071166	Đào Thị Thu Hà	Nữ	Đ7.BH1	20/07/1993	Lai Châu	8.15	Giỏi	
10	0101071167	Nguyễn Xuân Hải	Nam	Đ7.BH1	29/12/1993	Thái Bình	6.27	Trung bình khá	
11	0101071169	Hoàng Thị Hằng	Nữ	Đ7.BH1	01/09/1992	Tuyên Quang	7.25	Khá	
12	0101071170	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	Đ7.BH1	06/09/1993	Hưng Yên	6.55	Trung bình khá	
13	0101071151	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	Đ7.BH1	29/09/1993	Hải Dương	7.14	Khá	
14	0101071152	Hoàng Thị Hoa	Nữ	Đ7.BH1	05/06/1992	Ninh Bình	6.88	Trung bình khá	
15	0101071153	Mai Thị Hoà	Nữ	Đ7.BH1	03/09/1993	Nam Định	7.9	Khá	
16	0101071154	Phạm Thị Thu Hoài	Nữ	Đ7.BH1	04/09/1992	Thanh Hoá	6.03	Trung bình khá	
17	0101071155	Nguyễn Văn Huy Hoàng	Nam	Đ7.BH1	21/10/1993	Hoà Bình	6.59	Trung bình khá	
18	0101071160	Đào Minh Huệ	Nữ	Đ7.BH1	06/06/1993	Vĩnh Phúc	6.95	Trung bình khá	
19	0101071159	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	Đ7.BH1	18/02/1992	Bắc Ninh	7.65	Khá	
20	0101071173	Nguyễn Thế Hùng	Nam	Đ7.BH1	02/11/1993	Vĩnh Phúc	7.37	Khá	



Handwritten signature in blue ink.

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
21	0101071156	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	Đ7.BH1	05/02/1992	Hải Dương	6.48	Trung bình khá	
22	0101071158	Đặng Thị Thanh Huyền	Nữ	Đ7.BH1	23/12/1993	Tuyên Quang	7.16	Khá	
23	0101071157	Vũ Thị Huyền	Nữ	Đ7.BH1	08/09/1993	Ninh Bình	7.04	Khá	
24	0101071163	Lê Thu Hường	Nữ	Đ7.BH1	09/08/1993	Cao Bằng	6.64	Trung bình khá	
25	0101071174	Nguyễn Thị Khánh	Nữ	Đ7.BH1	04/09/1993	Nam Định	7.02	Khá	
26	0101071175	Vũ Nam Khánh	Nam	Đ7.BH1	27/10/1993	Lạng Sơn	7.16	Khá	
27	0101071176	Phạm Thị Lam	Nữ	Đ7.BH1	06/07/1993	Nghệ An	7.09	Khá	
28	0101071182	Trần Thị Ngọc Lệ	Nữ	Đ7.BH1	18/08/1993	Thái Bình	6.7	Trung bình khá	
29	0101071179	Đoàn Tuệ Linh	Nữ	Đ7.BH1	18/05/1993	Hà Nội	6.76	Trung bình khá	
30	0101071177	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	Đ7.BH1	04/10/1993	Yên Bái	7.19	Khá	
31	0101071178	Trần Thị Khánh Linh	Nữ	Đ7.BH1	24/09/1993	Bắc Giang	6.37	Trung bình khá	
32	0101071180	Nguyễn Thị Loan	Nữ	Đ7.BH1	10/07/1993	Hà Tĩnh	7.32	Khá	
33	0101071181	Nguyễn Thị Kiều Loan	Nữ	Đ7.BH1	22/01/1992	Phú Thọ	6.6	Trung bình khá	
34	0101071185	Nguyễn Như Mai	Nữ	Đ7.BH1	29/04/1993	Nam Định	6.7	Trung bình khá	
35	0101071186	Nguyễn Thị Thanh Mai	Nữ	Đ7.BH1	24/01/1993	Hải Dương	6.29	Trung bình khá	
36	0101071187	Lâm Thị Nghĩa	Nữ	Đ7.BH1	15/05/1993	Hà Tĩnh	7.08	Khá	
37	0101071188	Hà Thị Nhiệt	Nữ	Đ7.BH1	31/08/1992	Yên Bái	6.51	Trung bình khá	
38	0101071189	Hoàng Tuyết Nhung	Nữ	Đ7.BH1	04/07/1993	Bắc Ninh	7.31	Khá	
39	0101071190	Nguyễn Thị Hương Nhung	Nữ	Đ7.BH1	02/11/1993	Hà Tĩnh	6.53	Trung bình khá	
40	0101071192	Bùi Thị Phương	Nữ	Đ7.BH1	20/11/1993	Nam Định	6.6	Trung bình khá	
41	0101071193	Nguyễn Thị Thu Phương	Nữ	Đ7.BH1	09/03/1992	Hung Yên	7.03	Khá	
42	0101071194	Lê Hồng Quân	Nam	Đ7.BH1	20/09/1993	Hà Nội	7.01	Khá	
43	0101071200	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	Đ7.BH1	05/10/1993	Thanh Hoá	7.24	Khá	
44	0101071202	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	Đ7.BH1	26/02/1993	Hà Tĩnh	7.58	Khá	
45	0101071199	Nguyễn Thị Thê	Nữ	Đ7.BH1	06/08/1992	Hà Nội	8.04	Giỏi	
46	0101071195	Hán Thị Thu	Nữ	Đ7.BH1	03/11/1993	Bắc Ninh	7.31	Khá	
47	0101071197	Vương Thị Thủy	Nữ	Đ7.BH1	09/10/1993	Hung Yên	6.86	Trung bình khá	
48	0101071203	Cao Thu Thủy	Nữ	Đ7.BH1	27/02/1993	Bắc Ninh	7.23	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
49	0101071204	Bùi Minh Tiến	Nam	Đ7.BH1	27/06/1992	Vĩnh Phúc	6.75	Trung bình khá	
50	0101071206	Đinh Thị Trang	Nữ	Đ7.BH1	26/03/1993	Hung Yên	6.38	Trung bình khá	
51	0101071205	Trần Huyền Trang	Nữ	Đ7.BH1	04/07/1993	Tuyên Quang	7.38	Khá	
52	0101071208	Trần Thị Xuân	Nữ	Đ7.BH1	18/07/1993	Hải Dương	7.26	Khá	
53	0101071209	Thái Thị Hồng Anh	Nữ	Đ7.BH2	13/08/1993	Nghệ An	6.67	Trung bình khá	
54	0101071210	Hà Thị Phương Chi	Nữ	Đ7.BH2	19/06/1992	Lạng Sơn	6.96	Trung bình khá	
55	0101071211	Đỗ Thị Chúc	Nữ	Đ7.BH2	30/07/1993	Bắc Giang	6.85	Trung bình khá	
56	0101071215	Lê Thị Dịu	Nữ	Đ7.BH2	11/03/1993	Hà Nội	7.52	Khá	
57	0101071214	Phạm Thị Dung	Nữ	Đ7.BH2	02/05/1993	Nam Định	7.42	Khá	
58	0101071217	Lương Thị Giang	Nữ	Đ7.BH2	07/01/1993	Thái Bình	7.71	Khá	
59	0101071232	Đinh Thị Thu Hà	Nữ	Đ7.BH2	02/02/1993	Hải Dương	6.98	Trung bình khá	
60	0101071231	Ngô Thanh Hà	Nữ	Đ7.BH2	23/07/1993	Hà Nội	7.34	Khá	
61	0101071233	Lê Hồng Hạnh	Nữ	Đ7.BH2	15/08/1992	Nam Định	7.12	Khá	
62	0101071234	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	Đ7.BH2	17/06/1993	Hà Nội	7.16	Khá	
63	0101071237	Đỗ Thị Thanh Hằng	Nữ	Đ7.BH2	20/05/1993	Phú Thọ	6.69	Trung bình khá	
64	0101071235	Hoàng Thu Hằng	Nữ	Đ7.BH2	22/05/1993	Sơn La	6.13	Trung bình khá	
65	0101071236	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	Đ7.BH2	17/01/1993	Quảng Ninh	8.02	Giỏi	
66	0101071218	Nguyễn Thị Hiên	Nữ	Đ7.BH2	06/08/1993	Vĩnh Phúc	7.56	Khá	
67	0101071221	Ngô Thị Hoa	Nữ	Đ7.BH2	01/02/1993	Hung Yên	6.81	Trung bình khá	
68	0101071219	Nguyễn Phương Hoa	Nữ	Đ7.BH2	05/10/1993	Nam Định	7.45	Khá	
69	0101071220	Nguyễn Thiều Hoa	Nữ	Đ7.BH2	02/03/1992	Thái Nguyên	7.45	Khá	
70	0101071223	Đào Thị Xuân Hoà	Nữ	Đ7.BH2	24/01/1993	Hà Nội	6.95	Trung bình khá	
71	0101071224	Phạm Thị Thu Hoài	Nữ	Đ7.BH2	07/11/1993	Hải Dương	6.59	Trung bình khá	
72	0101071238	Lành Thị Hồng	Nữ	Đ7.BH2	13/11/1993	Lạng Sơn	7.17	Khá	
73	0101071239	Trần Thị Hồng	Nữ	Đ7.BH2	20/06/1993	Nam Định	7.47	Khá	
74	0101071227	Nguyễn Thu Huế	Nữ	Đ7.BH2	16/01/1993	Thái Bình	7.82	Khá	
75	0101071225	Nguyễn Thị Minh Huyền	Nữ	Đ7.BH2	20/04/1993	Bắc Ninh	6.8	Trung bình khá	
76	0101071226	Vũ Thị Thanh Huyền	Nữ	Đ7.BH2	05/01/1993	Nam Định	7.79	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
77	0101071229	Đinh Thị Mai Hương	Nữ	Đ7.BH2	16/10/1993	Nam Định	7.55	Khá	
78	0101071228	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	Đ7.BH2	16/12/1993	Quảng Ninh	7.64	Khá	
79	0101071241	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	Đ7.BH2	08/08/1993	Vĩnh Phúc	6.9	Trung bình khá	
80	0101071242	Nguyễn Thị Yến Linh	Nữ	Đ7.BH2	16/10/1993	Bắc Ninh	8.58	Giỏi	
81	0101071245	Đỗ Thị Ngọc Mai	Nữ	Đ7.BH2	20/08/1993	Hà Nam	6.77	Trung bình khá	
82	0101071284	Ngô Thị Nam Mai	Nữ	Đ7.BH2	10/01/1993	Bắc Giang	7.82	Khá	
83	0101071247	Trần Thị Trà My	Nữ	Đ7.BH2	08/06/1993	Thái Nguyên	6.26	Trung bình khá	
84	0101071248	Trần Thị Lệ Mỹ	Nữ	Đ7.BH2	17/11/1993	Thái Nguyên	7.19	Khá	
85	0101071251	Trần Thị Nhiên	Nữ	Đ7.BH2	13/09/1993	Thái Bình	6.42	Trung bình khá	
86	0101071252	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	Đ7.BH2	04/09/1993	Hà Nội	6.35	Trung bình khá	
87	0101071253	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	Đ7.BH2	28/05/1993	Bắc Giang	7.12	Khá	
88	0101071255	Nguyễn Minh Quý	Nữ	Đ7.BH2	16/03/1993	Thanh Hoá	7.26	Khá	
89	0101071278	Dương Thị Thanh Tâm	Nữ	Đ7.BH2	01/07/1993	Tuyên Quang	6.87	Trung bình khá	
90	0101071279	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	Đ7.BH2	27/09/1993	Bắc Ninh	7.65	Khá	
91	0101071257	Nguyễn Thị Phương Thanh	Nữ	Đ7.BH2	17/09/1993	Hà Nội	7.18	Khá	
92	0101071266	Trần Duy Thành	Nam	Đ7.BH2	04/10/1993	Quảng Ninh	7.08	Khá	
93	0101071267	Bùi Thị Thảo	Nữ	Đ7.BH2	29/08/1993	Thái Bình	6.94	Trung bình khá	
94	0101061460	Đỗ Thị Thảo	Nữ	Đ7.BH2	04/02/1992	Phú Thọ	6.24	Trung bình khá	
95	0101071268	Vũ Thị Phương Thảo	Nữ	Đ7.BH2	31/10/1992	Hà Nội	8.08	Giỏi	
96	0101071269	Phạm Thị Thắm	Nữ	Đ7.BH2	26/01/1993	Hải Dương	7.89	Khá	
97	0101071258	Nguyễn Thị Thu	Nữ	Đ7.BH2	19/05/1993	Thái Bình	6.44	Trung bình khá	
98	0101071264	Đào Ngọc Thuý	Nữ	Đ7.BH2	14/08/1993	Bắc Giang	6.76	Trung bình khá	
99	0101071262	Nguyễn Thị Phương Thuý	Nữ	Đ7.BH2	06/07/1993	Thái Nguyên	7.28	Khá	
100	0101071263	Nông Diệu Thuý	Nữ	Đ7.BH2	05/12/1993	Cao Bằng	6.38	Trung bình khá	
101	0101071265	Lý Hoài Thương	Nữ	Đ7.BH2	21/12/1993	Hà Giang	7.11	Khá	
102	0101071270	Mai Ngọc Tiến	Nam	Đ7.BH2	02/09/1988	Thanh Hoá	7.1	Khá	
103	0101071271	Lã Thị Trang	Nữ	Đ7.BH2	25/12/1993	Nam Định	7.21	Khá	
104	0101071272	Lục Thị Thu Trang	Nữ	Đ7.BH2	07/11/1992	Cao Bằng	7.41	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
105	0101071273	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	Đ7.BH2	06/11/1993	Phú Thọ	7.18	Khá	
106	0101071280	Vũ Nguyễn Huệ Trâm	Nữ	Đ7.BH2	10/10/1993	Hải Phòng	6.34	Trung bình khá	
107	0101071283	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	Đ7.BH2	28/08/1993	Hải Dương	6.74	Trung bình khá	
108	0101071285	Hoàng Thị Vân Anh	Nữ	Đ7.BH3	14/01/1993	Hải Dương	8	Giỏi	
109	0101071286	Lưu Thảo Anh	Nữ	Đ7.BH3	29/10/1993	Thái Bình	7.3	Khá	
110	0101071287	Nguyễn Thị Việt Anh	Nữ	Đ7.BH3	20/09/1993	Hải Dương	7.84	Khá	
111	0101071289	Nguyễn Thị Châm	Nữ	Đ7.BH3	20/11/1993	Hà Nội	7.08	Khá	
112	0101061348	Phạm Quỳnh Chi	Nữ	Đ7.BH3	08/12/1992	Hà Tĩnh	6.58	Trung bình khá	
113	0101071292	Ma Thị Hương Diệp	Nữ	Đ7.BH3	16/01/1993	Tuyên Quang	6.49	Trung bình khá	
114	0101071293	Lý Thị Kim Dung	Nữ	Đ7.BH3	31/10/1993	Lạng Sơn	6.65	Trung bình khá	
115	0101071294	Cao Mạnh Duy	Nam	Đ7.BH3	11/07/1992	Phú Thọ	6.43	Trung bình khá	
116	0101071295	Chu Thị Duyên	Nữ	Đ7.BH3	12/09/1993	Bắc Giang	6.72	Trung bình khá	
117	0101071307	Phạm Thị Thu Hà	Nữ	Đ7.BH3	01/07/1993	Yên Bái	6.48	Trung bình khá	
118	0101071308	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	Đ7.BH3	04/03/1993	Nam Định	8.27	Giỏi	
119	0101071310	Đỗ Thị Hằng	Nữ	Đ7.BH3	28/10/1993	Thanh Hoá	7.64	Khá	
120	0101071309	Hoàng Thu Hằng	Nữ	Đ7.BH3	11/03/1993	Hà Giang	7.08	Khá	
121	0101071298	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	Đ7.BH3	20/05/1993	Hoà Bình	7.39	Khá	
122	0101071299	Hà Thị Hoa	Nữ	Đ7.BH3	10/03/1992	Phú Thọ	6.52	Trung bình khá	
123	0101071300	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	Đ7.BH3	30/05/1993	Hưng Yên	6.34	Trung bình khá	
124	0101071301	Trần Thị Thanh Hoa	Nữ	Đ7.BH3	07/03/1993	Nam Định	6.66	Trung bình khá	
125	0101071302	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	Đ7.BH3	15/10/1993	Thái Bình	7.5	Khá	
126	0101071311	Phan Thị Bích Hồng	Nữ	Đ7.BH3	11/09/1993	Hưng Yên	7.23	Khá	
127	0101071312	Đàm Văn Hùng	Nam	Đ7.BH3	11/10/1993	Vĩnh Phúc	6.2	Trung bình khá	
128	0101071303	Trương Thị Thanh Huyền	Nữ	Đ7.BH3	03/04/1993	Hải Dương	7.25	Khá	
129	0101071304	Bùi Thị Thu Hương	Nữ	Đ7.BH3	08/11/1993	Thái Bình	6.71	Trung bình khá	
130	0101071306	Đặng Thị Thiên Hương	Nữ	Đ7.BH3	18/01/1993	Hải Dương	6.6	Trung bình khá	
131	0101071305	Lê Thị Mai Hương	Nữ	Đ7.BH3	06/07/1993	Phú Thọ	7.61	Khá	
132	0101071318	Vũ Thị Lài	Nữ	Đ7.BH3	20/09/1992	Thanh Hoá	6.55	Trung bình khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
133	0101071313	Lâm Thị Hồng Linh	Nữ	Đ7.BH3	23/07/1993	Hà Nội	6.12	Trung bình khá	
134	0101071315	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	Đ7.BH3	01/10/1993	Hưng Yên	7.37	Khá	
135	0101071316	Trịnh Thuỳ Linh	Nữ	Đ7.BH3	06/11/1993	Thái Nguyên	7.25	Khá	
136	0101071317	Nguyễn Thị Kiều Loan	Nữ	Đ7.BH3	10/10/1993	Hải Phòng	7.48	Khá	
137	0101071320	Nguyễn Minh Ngọc	Nữ	Đ7.BH3	23/07/1992	Quảng Ninh	6.8	Trung bình khá	
138	0101071319	Phan Thị Hương Nguyên	Nữ	Đ7.BH3	07/02/1993	Nam Định	7.56	Khá	
139	0101071322	Đỗ Hồng Nhung	Nữ	Đ7.BH3	12/07/1993	Lai Châu	7.49	Khá	
140	0101071321	Phạm Thị Quỳnh Nhung	Nữ	Đ7.BH3	23/10/1993	Hoà Bình	7.42	Khá	
141	0101071323	Bùi Bích Phương	Nữ	Đ7.BH3	23/12/1993	Tuyên Quang	7.24	Khá	
142	0101071344	Lê Thị Tâm	Nữ	Đ7.BH3	10/01/1993	Thanh Hoá	7.84	Khá	
143	0101071335	Phạm Thị Thu Thảo	Nữ	Đ7.BH3	12/01/1993	Quảng Ninh	6.52	Trung bình khá	
144	0101071336	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	Đ7.BH3	21/07/1992	Hưng Yên	6.86	Trung bình khá	
145	0101071325	Đinh Thị Kim Thoa	Nữ	Đ7.BH3	17/06/1992	Cao Bằng	6.25	Trung bình khá	
146	0101071326	Nguyễn Thị Thu	Nữ	Đ7.BH3	22/10/1993	Hà Nội	6.93	Trung bình khá	
147	0101071327	Nguyễn Thị Minh Thu	Nữ	Đ7.BH3	22/04/1993	Hà Nội	6.6	Trung bình khá	
148	0101071328	Nguyễn Thị Vân Thu	Nữ	Đ7.BH3	03/09/1993	Hải Dương	7.45	Khá	
149	0101071329	Triệu Hoài Thu	Nữ	Đ7.BH3	26/12/1992	Lạng Sơn	6.24	Trung bình khá	
150	0101071330	Phạm Thị Thuận	Nữ	Đ7.BH3	21/06/1993	Thanh Hoá	7.15	Khá	
151	0101071331	Tổng Thị Bích Thủy	Nữ	Đ7.BH3	05/11/1993	Hoà Bình	8.22	Giỏi	
152	0101071343	Đào Thị Trang	Nữ	Đ7.BH3	07/06/1993	Hải Dương	7.17	Khá	
153	0101071338	Lê Linh Trang	Nữ	Đ7.BH3	10/08/1993	Thanh Hoá	7.44	Khá	
154	0101071339	Lý Thị Kim Trang	Nữ	Đ7.BH3	19/08/1993	Hải Dương	7.08	Khá	
155	0101071342	Ngô Thị Hà Trang	Nữ	Đ7.BH3	18/08/1993	Quảng Ninh	7.3	Khá	
156	0101071340	Nguyễn Huyền Trang	Nữ	Đ7.BH3	26/12/1993	Quảng Ninh	7.32	Khá	
157	0101071345	Vũ Thị Vân	Nữ	Đ7.BH3	28/03/1993	Hải Dương	7.34	Khá	
158	0101071346	Lê Vũ Hải Yến	Nữ	Đ7.BH3	23/05/1993	Hải Dương	7.12	Khá	
159	0101071350	Nguyễn Hoàng Anh	Nữ	Đ7.BH4	02/06/1993	Quảng Ninh	7.09	Khá	
160	0101071351	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	Đ7.BH4	14/04/1993	Hà Nội	7.27	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
161	0101071352	Phạm Thị ánh	Nữ	Đ7.BH4	01/06/1993	Hà Nội	6.36	Trung bình khá	
162	0101071353	Phạm Thị Bích	Nữ	Đ7.BH4	03/12/1993	Bắc Ninh	6.66	Trung bình khá	
163	0101071355	Nguyễn Thị Kim Cúc	Nữ	Đ7.BH4	12/08/1993	Thái Bình	6.17	Trung bình khá	
164	0101071356	Nguyễn Hương Giang	Nữ	Đ7.BH4	03/05/1993	Bắc Ninh	6.73	Trung bình khá	
165	0101071357	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	Đ7.BH4	23/07/1993	Hà Nội	6.79	Trung bình khá	
166	0101071364	Bùi Ngân Hà	Nữ	Đ7.BH4	04/05/1993	Vĩnh Phú	7.36	Khá	
167	0101071365	Trần Mỹ Hạnh	Nữ	Đ7.BH4	27/09/1993	Vĩnh Phú	8.82	Giỏi	
168	0101071359	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	Đ7.BH4	10/04/1993	Nam Định	6.53	Trung bình khá	
169	0101071361	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	Đ7.BH4	13/06/1993	Hà Tĩnh	6.03	Trung bình khá	
170	0101071362	Ngô Thị Thu Hương	Nữ	Đ7.BH4	09/04/1992	Hưng Yên	7.24	Khá	
171	0101071363	Phạm Thị Hương	Nữ	Đ7.BH4	09/06/1992	Nam Định	8.39	Giỏi	
172	0101071373	Phạm Thị Liên	Nữ	Đ7.BH4	27/07/1993	Thái Bình	7.05	Khá	
173	0101071370	Đoàn Ngọc Linh	Nữ	Đ7.BH4	18/07/1993	Hà Giang	7.06	Khá	
174	0101071372	Đỗ Mỹ Linh	Nữ	Đ7.BH4	19/09/1993	Thanh Hoá	7.11	Khá	
175	0101071368	Phạm Mỹ Linh	Nữ	Đ7.BH4	04/09/1993	Bắc Kạn	6.99	Trung bình khá	
176	0101071374	Dương Thị Luyên	Nữ	Đ7.BH4	20/10/1993	Hưng Yên	7.39	Khá	
177	0101071375	Hoàng Mai Ly	Nữ	Đ7.BH4	30/09/1993	Ninh Bình	8.26	Giỏi	
178	0101071376	Lại Thị Thu Mai	Nữ	Đ7.BH4	15/10/1993	Tuyên Quang	7.89	Khá	
179	0101071377	Nguyễn Quỳnh Mai	Nữ	Đ7.BH4	06/08/1993	Hưng Yên	7.25	Khá	
180	0101071378	Nguyễn Thị Minh	Nữ	Đ7.BH4	29/04/1993	Nghệ An	6.77	Trung bình khá	
181	0101071379	Nguyễn Kim Nghĩa	Nữ	Đ7.BH4	03/10/1992	Hà Nội	6.49	Trung bình khá	
182	0101071380	Hồ Thị Nguyên	Nữ	Đ7.BH4	10/10/1993	Nghệ An	7.81	Khá	
183	0101071381	Vũ Thị Nguyệt	Nữ	Đ7.BH4	15/02/1993	Thái Bình	6.66	Trung bình khá	
184	0101071382	Lý Thị Nhâm	Nữ	Đ7.BH4	17/11/1992	Lạng Sơn	6.8	Trung bình khá	
185	0101071384	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	Đ7.BH4	11/09/1993	Thái Bình	6.81	Trung bình khá	
186	0101071388	Nguyễn Cường Quân	Nam	Đ7.BH4	15/01/1993	Hà Nội	6.54	Trung bình khá	
187	0101071390	Vũ Thanh Quý	Nữ	Đ7.BH4	17/08/1993	Nam Định	7.06	Khá	
188	0101071389	Đào Thuý Quỳnh	Nữ	Đ7.BH4	16/09/1993	Hưng Yên	6.33	Trung bình khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
189	0101071405	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	Đ7.BH4	20/02/1993	Phú Thọ	8.08	Giỏi	
190	0101071406	Trần Thị Tâm	Nữ	Đ7.BH4	24/03/1993	Nam Định	7.42	Khá	
191	0101071397	Đào Thị Thanh Thảo	Nữ	Đ7.BH4	24/04/1993	Bắc Giang	6.74	Trung bình khá	
192	0101071395	Hứa Phương Thảo	Nữ	Đ7.BH4	24/08/1993	Lạng Sơn	7.1	Khá	
193	0101071396	Lê Ngọc Thảo	Nữ	Đ7.BH4	15/10/1993	Hà Tĩnh	6.52	Trung bình khá	
194	0101071391	Phạm Thị Thoa	Nữ	Đ7.BH4	30/07/1993	Hung Yên	6.26	Trung bình khá	
195	0101071398	Phạm Thị Thu Thời	Nữ	Đ7.BH4	03/09/1993	Hải Phòng	7.64	Khá	
196	0101071392	Phạm Thị Thu	Nữ	Đ7.BH4	21/03/1993	Ninh Bình	8.41	Giỏi	
197	0101071393	Hoàng Thị Hương Thuý	Nữ	Đ7.BH4	02/11/1992	Thái Bình	7.3	Khá	
198	0101071394	Lê Thu Thuý	Nữ	Đ7.BH4	11/08/1993	Hà Nội	7.18	Khá	
199	0101071404	Đỗ Thị Quỳnh Trang	Nữ	Đ7.BH4	21/10/1992	Thái Bình	7.68	Khá	
200	0101071399	Hồ Thị Kiều Trang	Nữ	Đ7.BH4	16/01/1993	Nam Định	8.38	Giỏi	
201	0101071401	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	Đ7.BH4	18/11/1993	Vĩnh Phú	7.55	Khá	
202	0101071402	Phạm Thu Trang	Nữ	Đ7.BH4	04/04/1993	Hoà Bình	7.6	Khá	
203	0101071403	Trần Huyền Trang	Nữ	Đ7.BH4	26/01/1993	Hà Nam	7.49	Khá	
204	0101071409	Lô Thị Phương Tú	Nữ	Đ7.BH4	14/07/1993	Nghệ An	8.05	Giỏi	
205	0101071407	Lê Gia Tùng	Nam	Đ7.BH4	27/02/1992	Thanh Hoá	7.13	Khá	
206	0101071410	Lương Thị Vân	Nữ	Đ7.BH4	20/04/1993	Bắc Giang	7.34	Khá	
207	0101071411	Trần Thanh Vân	Nữ	Đ7.BH4	01/01/1993	Nam Định	7.68	Khá	
208	0101071414	Đặng Hải Yến	Nữ	Đ7.BH4	19/01/1994	Hà Nội	7.26	Khá	
209	0101071415	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	Đ7.BH5	28/03/1993	Thanh Hoá	6.74	Trung bình khá	
210	0101071416	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	Đ7.BH5	24/01/1993	Hà Nội	8.04	Giỏi	
211	0101071419	Hà Thị Bé	Nữ	Đ7.BH5	04/02/1993	Cao Bằng	6.62	Trung bình khá	
212	0101071420	Chu Kim Chi	Nữ	Đ7.BH5	26/07/1993	Hà Tây	7.47	Khá	
213	0101071425	Cao Thị Hương Giang	Nữ	Đ7.BH5	23/04/1993	Thái Nguyên	7.01	Khá	
214	0101071427	Đặng Thị Hồng Giang	Nữ	Đ7.BH5	31/01/1993	Thái Bình	7.66	Khá	
215	0101071426	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	Đ7.BH5	23/09/1993	Hà Tĩnh	7.26	Khá	
216	0101071483	Vũ Thị Tâm Giao	Nữ	Đ7.BH5	16/06/1993	Thái Bình	7.26	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
217	0101071438	Hoàng Thị Thu Hà	Nữ	Đ7.BH5	17/04/1993	Quảng Ninh	6.74	Trung bình khá	
218	0101071439	Lê Thị Hà	Nữ	Đ7.BH5	02/04/1993	Nam Định	6.64	Trung bình khá	
219	0101071440	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	Đ7.BH5	15/12/1993	Vĩnh Phú	6.67	Trung bình khá	
220	0101071442	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	Đ7.BH5	18/09/1993	Cao Bằng	6.79	Trung bình khá	
221	0101071441	Nguyễn Thu Hằng	Nữ	Đ7.BH5	25/12/1993	Thanh Hoá	7	Khá	
222	0101071443	Lê Thị Hậu	Nữ	Đ7.BH5	06/08/1992	Thanh Hoá	7.85	Khá	
223	0101071428	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	Đ7.BH5	14/02/1993	Vĩnh Phú	7.19	Khá	
224	0101071429	Lê Thị Hoa	Nữ	Đ7.BH5	01/05/1991	Thanh Hoá	6.8	Trung bình khá	
225	0101071430	Ngô Lâm Hoa	Nữ	Đ7.BH5	14/11/1993	Lai Châu	7.54	Khá	
226	0101071432	Phạm Nguyễn Hoàng	Nam	Đ7.BH5	13/10/1993	Vĩnh Phú	7.24	Khá	
227	0101071444	Nguyễn Thị Hoi	Nữ	Đ7.BH5	07/04/1991	Hưng Yên	6.08	Trung bình khá	
228	0101071433	Lưu Thị Huyền	Nữ	Đ7.BH5	29/10/1993	Quảng Ninh	8.03	Giỏi	
229	0101071434	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	Đ7.BH5	10/06/1993	Hải Dương	6.85	Trung bình khá	
230	0101071437	Phạm Thị Hương	Nữ	Đ7.BH5	20/12/1993	Nam Định	7.49	Khá	
231	0101071450	Vũ Thị Liên	Nữ	Đ7.BH5	06/09/1993	Hưng Yên	7.37	Khá	
232	0101071446	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	Đ7.BH5	14/11/1993	Hà Tây	7.54	Khá	
233	0101071448	Tạ Thị Diệu Linh	Nữ	Đ7.BH5	14/09/1993	Quảng Ninh	6.83	Trung bình khá	
234	0101071456	Phạm Thị Quỳnh Nga	Nữ	Đ7.BH5	12/04/1993	Nam Định	6.65	Trung bình khá	
235	0101071458	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Nữ	Đ7.BH5	17/09/1993	Hà Giang	6.58	Trung bình khá	
236	0101071459	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	Đ7.BH5	16/05/1993	Nghệ An	7.25	Khá	
237	0101071460	Phạm Thị Bích Ngọc	Nữ	Đ7.BH5	14/04/1993	Phủ Thọ	6.66	Trung bình khá	
238	0101071461	Phùng Thị Ngọc	Nữ	Đ7.BH5	15/10/1993	Vĩnh Phú	8.02	Giỏi	
239	0101071463	Hoàng Thị Nhài	Nữ	Đ7.BH5	09/10/1993	Hưng Yên	7.54	Khá	
240	0101071464	Nguyễn Văn Nhật	Nam	Đ7.BH5	13/12/1993	Hà Tĩnh	7.18	Khá	
241	0101071462	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	Đ7.BH5	26/10/1992	Hoà Bình	6.27	Trung bình khá	
242	0101071465	Bùi Châu Nương	Nữ	Đ7.BH5	22/12/1993	Lai Châu	6.79	Trung bình khá	
243	0101071466	Nông Hoàng Oanh	Nữ	Đ7.BH5	25/10/1993	Cao Bằng	6.47	Trung bình khá	
244	0101071468	Lê Thị Anh Phương	Nữ	Đ7.BH5	24/10/1993	Thanh Hoá	7.42	Khá	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
245	0101071469	Nguyễn Thị Phương	Nữ	Đ7.BH5	19/09/1993	Vĩnh Phú	7.33	Khá	
246	0101071467	Hoàng Thị Phương	Nữ	Đ7.BH5	10/09/1993	Tuyên Quang	7.78	Khá	
247	0101071470	Nguyễn Thị Thảo Quỳnh	Nữ	Đ7.BH5	10/09/1993	Hải Dương	7.61	Khá	
248	0101071475	Nguyễn Xuân Thành	Nam	Đ7.BH5	27/12/1993	Nam Định	7.15	Khá	
249	0101071471	Nguyễn Thị Thu	Nữ	Đ7.BH5	23/08/1993	Hung Yên	7.46	Khá	
250	0101071472	Nguyễn Thị Kiều Thu	Nữ	Đ7.BH5	14/07/1993	Lào Cai	6.15	Trung bình khá	
251	0101071476	Phạm Thị Thừa	Nữ	Đ7.BH5	10/10/1993	Ninh Bình	7.44	Khá	
252	0101071473	Hà Thị Thanh Thuý	Nữ	Đ7.BH5	15/09/1993	Quảng Bình	7.05	Khá	
253	0101071474	Trần Thị Thuý	Nữ	Đ7.BH5	18/09/1992	Nam Định	7.05	Khá	
254	0101071477	Nguyễn Việt Tiến	Nam	Đ7.BH5	24/09/1993	Nam Định	7.5	Khá	
255	0101071478	Nguyễn Thị Trang	Nữ	Đ7.BH5	15/08/1992	Nam Định	7.68	Khá	
256	0101071479	Trần Thuý Trang	Nữ	Đ7.BH5	02/12/1992	Đồng Nai	7.1	Khá	
257	0101071482	Vũ Thị Hồng Vân	Nữ	Đ7.BH5	03/02/1993	Thanh Hoá	6.59	Trung bình khá	
258	0101071484	Đương Ngọc Anh	Nữ	Đ7.BH6	17/08/1993	Thái Nguyên	7.08	Khá	
259	0101071486	Lương Vũ Ngọc Anh	Nữ	Đ7.BH6	27/08/1993	Yên Bái	7.2	Khá	
260	0101071485	Lưu Thị Mai Anh	Nữ	Đ7.BH6	03/09/1993	Hà Nội	7.69	Khá	
261	0101071487	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Nữ	Đ7.BH6	22/12/1993	Hoà Bình	6.63	Trung bình khá	
262	0101071488	Trần Lan Anh	Nữ	Đ7.BH6	08/02/1993	Nam Định	8	Giỏi	
263	0101071495	Lưu Quang Cảnh	Nam	Đ7.BH6	09/06/1993	Tuyên Quang	6.62	Trung bình khá	
264	0101071491	Nguyễn Thị Chi	Nữ	Đ7.BH6	22/09/1993	Vĩnh Phúc	6.58	Trung bình khá	
265	0101071492	Trần Lan Chi	Nữ	Đ7.BH6	23/04/1993	Nghệ An	6.97	Trung bình khá	
266	0101071494	Vì A Chở	Nam	Đ7.BH6	13/02/1993	Sơn La	6.47	Trung bình khá	
267	0101071496	Vũ Thị Kim Dung	Nữ	Đ7.BH6	26/06/1993	Ninh Bình	7.56	Khá	
268	0101071497	Phạm Văn Dũng	Nam	Đ7.BH6	25/11/1993	Thanh Hoá	6.4	Trung bình khá	
269	0101071498	Đỗ Tuấn Đạt	Nam	Đ7.BH6	16/12/1993	Yên Bái	6.03	Trung bình khá	
270	0101071499	Trần Thuý Giang	Nữ	Đ7.BH6	20/09/1993	Quảng Ninh	6.72	Trung bình khá	
271	0101071509	Hà Thị Hào	Nữ	Đ7.BH6	04/08/1992	Thái Nguyên	6.48	Trung bình khá	
272	0101071501	Viên Thị Hiền	Nữ	Đ7.BH6	02/02/1992	Tuyên Quang	6.92	Trung bình khá	

STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
273	0101071502	Bùi Thị Minh	Hoa	Nữ	Đ7.BH6	22/01/1992	Hà Nội	7.38	Khá	
274	0101071510	Trần Thị	Hồng	Nữ	Đ7.BH6	10/07/1993	Thái Bình	7.34	Khá	
275	0101061685	Phan Văn	Huân	Nam	Đ7.BH6	28/10/1992	Cao Bằng	6.01	Trung bình khá	
276	0101071504	Lê Thị	Huyền	Nữ	Đ7.BH6	01/07/1992	Tuyên Quang	6.64	Trung bình khá	
277	0101071506	Bùi Thanh	Hương	Nữ	Đ7.BH6	17/01/1993	Yên Bái	6.66	Trung bình khá	
278	0101071507	Phạm Thị	Hương	Nữ	Đ7.BH6	02/01/1993	Hà Nội	7.28	Khá	
279	0101071517	Nguyễn Thị	Lân	Nữ	Đ7.BH6	12/12/1993	Bắc Ninh	6.76	Trung bình khá	
280	0101071518	Lý Thị	Lịch	Nữ	Đ7.BH6	03/12/1993	Bắc kạn	6.32	Trung bình khá	
281	0101071513	Bùi Thị	Liên	Nữ	Đ7.BH6	20/07/1993	Hà Tĩnh	6.58	Trung bình khá	
282	0101071514	Trần Thị Thuý	Liên	Nữ	Đ7.BH6	27/09/1993	Hải Dương	6.9	Trung bình khá	
283	0101071511	Lê Vũ Trúc	Linh	Nữ	Đ7.BH6	06/07/1993	Thanh Hoá	8.1	Giỏi	
284	0101071512	Nguyễn Phương	Linh	Nữ	Đ7.BH6	16/10/1993	Ninh Bình	7.41	Khá	
285	0101071519	Nguyễn Thị Phương	Mai	Nữ	Đ7.BH6	11/08/1993	Nghệ An	7.48	Khá	
286	0101071520	Phạm Thị	Nga	Nữ	Đ7.BH6	28/12/1993	Hải Dương	6.72	Trung bình khá	
287	0101071521	Trần Thị Thu	Nga	Nữ	Đ7.BH6	19/09/1993	Hà Nội	7.3	Khá	
288	0101071522	Văn Thị Thúy	Nga	Nữ	Đ7.BH6	23/10/1993	Hoà Bình	6.62	Trung bình khá	
289	0101071523	Đào Thị	Ngân	Nữ	Đ7.BH6	01/07/1993	Hải Dương	7.15	Khá	
290	0101071524	Bùi Mỹ	Ngọc	Nữ	Đ7.BH6	15/09/1993	Hoà Bình	7.54	Khá	
291	0101071525	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	Đ7.BH6	13/02/1993	Hải Dương	6.94	Trung bình khá	
292	0101071526	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	Đ7.BH6	28/06/1993	Bắc Ninh	7.38	Khá	
293	0101071527	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	Đ7.BH6	20/06/1993	Quảng Ninh	6.6	Trung bình khá	
294	0101071530	Nguyễn Hải	Phong	Nam	Đ7.BH6	03/03/1993	Hà Nội	6.3	Trung bình khá	
295	0101071533	Phùng Thị Thanh	Quý	Nữ	Đ7.BH6	08/02/1993	Hà Giang	8.11	Giỏi	
296	0101071534	Lê Tùng	Sơn	Nam	Đ7.BH6	01/05/1991	Hà Tĩnh	7.06	Khá	
297	0101071548	Đỗ Thị	Tâm	Nữ	Đ7.BH6	14/01/1992	Bắc Giang	7.32	Khá	
298	0101071539	Đỗ Duy	Thái	Nam	Đ7.BH6	28/11/1993	Thanh Hoá	6.21	Trung bình khá	
299	0101071536	Hoàng Lê	Thảo	Nữ	Đ7.BH6	29/03/1992	Hà Nam	7.39	Khá	
300	0101071538	Ngô Thanh	Thảo	Nữ	Đ7.BH6	09/06/1993	Yên Bái	8.34	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC Toàn khóa	Xếp hạng tốt nghiệp	Ghi chú
301	0101071537	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	Đ7.BH6	03/08/1993	Bắc Giang	6.96	Trung bình khá	
302	0101071540	Nguyễn Thị Thế	Nữ	Đ7.BH6	05/08/1992	Nghệ An	7.15	Khá	
303	0101071545	Nguyễn Thị Thanh Trà	Nữ	Đ7.BH6	18/06/1993	Nghệ An	7.11	Khá	
304	0101071541	Nguyễn Thu Trang	Nữ	Đ7.BH6	13/11/1993	Ninh Bình	8	Giỏi	
305	0101071544	Nguyễn Thị ánh Trâm	Nữ	Đ7.BH6	13/10/1993	Hải Dương	6.78	Trung bình khá	
306	0101071547	Nguyễn Thị ánh Tuyết	Nữ	Đ7.BH6	10/03/1993	Hung Yên	6.47	Trung bình khá	
307	0101071549	Nguyễn Thị Vân	Nữ	Đ7.BH6	05/06/1992	Vĩnh Phúc	8.32	Giỏi	
308	0101071550	Lý Bá Xông	Nam	Đ7.BH6	14/12/1993	Nghệ An	7.28	Khá	

Danh sách này có 308 sinh viên, trong đó xếp hạng tốt nghiệp loại:

Giỏi 24 sinh viên

Khá 155 sinh viên

Trung bình khá 129 sinh viên

